

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
SCI JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 96./2026/SCI-CBTT
No.: 96./2026/SCI-CBTT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026
Hanoi, day 25 month 08 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần SCI / SCI Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: S99

- Địa chỉ/Address: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội / 3rd Floor, Tower C, Golden Palace Building, Me Tri Road, Me Tri Ward, Nam Tu Liem Distric, Hanoi City.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: (+84-24) 3768 4495

Fax:

- E-mail: sci@scigroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết số 26/2026/NQ-SCI-HĐQT ngày 25/08/2026 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán / Resolution No. 26/2026/NQ-SCI-BOD dated August 25, 2026 of the Board of Directors on the Issuance of the Operating Regulations of the Audit Committee

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/08/2026 tại đường dẫn <https://scigroup.vn/quan-he-co-dong#thong-tin-cong-bo>

/This information was published on the company's website on 25/08/2026(date), as in the link: <https://scigroup.vn/en/quan-he-co-dong#information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

/ Person authorized to disclose information



Phan Dương Mạnh

Số: 26 /2026/ NQ-SCI-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần SCI;
- Căn cứ biên bản họp HĐQT Công ty cổ phần SCI ngày 25/08/2026.

NGHỊ QUYẾT**Điều 1. Nội dung ban hành**

- Thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty (Chi tiết nội dung Quy chế kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Ủy ban kiểm toán, các phòng ban liên quan trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 2 ;
- CBTT;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN CÔNG HÙNG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2026/NQ-SCI-HĐQT
ngày 25 tháng 08 năm 2026 của Công ty Cổ phần SCI)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần SCI.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần SCI bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán, các thành viên Ủy ban kiểm toán và cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Đối tượng áp dụng:** Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban kiểm toán, các thành viên Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan trong Công ty Cổ phần SCI.

Điều 2. Các định nghĩa

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Ủy ban Kiểm toán"** (viết tắt là UBKT): là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị được thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
- "Công ty"**: là Công ty Cổ phần SCI.
- "Công ty con"**: là các công ty do Công ty Cổ phần SCI nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có quyền quyết định trực tiếp/gián tiếp kết cấu nhân sự quản lý và hoạt động.
- "Điều lệ"**: là bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần SCI hiện hành.

5. **“Đại hội đồng Cổ đông”** (viết tắt là ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần SCL.
6. **“Hội đồng Quản trị”** (viết tắt là HĐQT): là cơ quan quản lý Công ty Cổ phần SCL.
7. **“Luật Doanh nghiệp”**: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
8. **“Luật Chứng khoán”**: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
9. **“Người có liên quan”**: là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
10. **“Người quản lý doanh nghiệp”**: bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
11. **“Thành viên độc lập HĐQT”**: là thành viên HĐQT đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
12. **“Ban Tổng Giám đốc”**: bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính.
13. **“Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách kiểm tra, giám sát”**: là Phó Chủ tịch HĐQT được HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT giao nhiệm vụ/ủy quyền phân công phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động tuân thủ của Công ty.

CHƯƠNG II. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 3. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán hoạt động tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này; chịu trách nhiệm trực tiếp và báo cáo bằng văn bản trước Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban kiểm toán hoạt động độc lập, khách quan; không bị can thiệp trái pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ.
3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải trung thực, cẩn trọng, không để bị ảnh hưởng chi phối lợi ích từ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khi đưa ra các nhận định, kết luận chuyên môn.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm bảo mật thông tin thu thập được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp phải cung cấp/tiết lộ theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của HĐQT.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực, khách quan của báo cáo tài chính của Công ty và các công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả tài chính;
2. Rà soát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
3. Rà soát các giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về các giao dịch cần có phê duyệt;
4. Giám sát, chỉ đạo và đánh giá hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Đề xuất, kiến nghị tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận, mức thù lao và các điều khoản liên quan trong hợp đồng kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt;
6. Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của tổ chức kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và quy định nội bộ khác của Công ty;
8. Được quyền tiếp cận không hạn chế các tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty; trực tiếp trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin;
9. Được quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và giải trình các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT;
10. Được quyền đề xuất HĐQT phê duyệt việc sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán hoặc các tư vấn độc lập bên ngoài khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;
11. Xây dựng, trình HĐQT thông qua các chính sách quản lý rủi ro và đề xuất các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh;
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi HĐQT ngay khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao;
13. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của UBKT trình HĐQT thông qua;
14. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và phân công của HĐQT.

Điều 5. Thành phần, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Số lượng và cơ cấu:

- o Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên do HĐQT bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- o Chủ tịch Ủy ban kiểm toán bắt buộc phải là Thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là Thành viên HĐQT không điều hành.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện:

- o Có chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán, tài chính, pháp luật và hiểu biết chung về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Có ít nhất 01 (một) thành viên UBKT có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
 - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
 - Không thuộc bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. **Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm:** Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên UBKT do HĐQT thông qua bằng Nghị quyết/Quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên UBKT theo nhiệm kỳ của HĐQT.
4. **Thù lao và chi phí hoạt động:** Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của UBKT và từng thành viên UBKT do ĐHCĐ quyết định hoặc thông qua tổng mức thù lao HĐQT; phải được ghi nhận thành mục riêng trong báo cáo thù lao HĐQT và công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. **Tần suất họp:** Ủy ban kiểm toán phải họp định kỳ ít nhất 04 (bốn) lần trong một năm (gắn liền với các kỳ lập và soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm). Ngoài ra, UBKT có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch UBKT hoặc theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Tổ chức kiểm toán độc lập.
2. **Điều kiện tiến hành cuộc họp:** Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên UBKT tham dự. Thành viên không thể trực tiếp tham dự họp có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp (nếu được sự chấp thuận của Chủ tịch UBKT) hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.
3. **Phương thức thông qua quyết định:**
 - Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên UBKT có 01 (một) phiếu biểu quyết.
 - Quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
4. **Biên bản họp:** Tất cả các cuộc họp UBKT phải được lập biên bản chi tiết, rõ ràng. Biên bản họp phải có chữ ký của người ghi biên bản và toàn bộ thành viên UBKT tham dự họp. Biên bản họp UBKT phải được lưu giữ đầy đủ tại trụ sở Công ty và gửi bản sao cho HĐQT.

Điều 7. Phối hợp công tác giữa Ủy ban kiểm toán và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát

1. **Mục đích và Nguyên tắc phối hợp:**

- Việc phối hợp giữa Ủy ban Kiểm toán và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả, tính toàn diện trong công tác kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
 - Hoạt động phối hợp phải tuân thủ nguyên tắc khách quan, trung thực; không làm ảnh hưởng đến tính độc lập chuyên môn và quyền báo cáo độc lập của UBKT trước HĐQT; không làm cản trở hoạt động điều hành bình thường của Ban Tổng Giám đốc.
2. **Chia sẻ Kế hoạch kiểm tra:** Đầu mỗi năm tài chính, UBKT và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách trao đổi, chia sẻ định hướng và kế hoạch kiểm tra, rà soát nhằm đảm bảo tính bao quát, tối ưu hóa nguồn lực và tránh trùng lặp đối tượng, nội dung kiểm tra.
3. **Chia sẻ Thông tin và Kết quả đánh giá:**
- UBKT và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách có quyền chia sẻ thông tin, tài liệu, báo cáo kiểm tra, kết quả rà soát tuân thủ (trừ các tài liệu thuộc danh mục bảo mật theo quy định pháp luật hoặc quyết định của HĐQT).
 - Báo cáo kết quả kiểm tra đối với các vụ việc trọng yếu hoặc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng do Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách hoặc UBKT thực hiện sẽ được gửi đồng thời cho cả hai bên trước khi hoặc cùng thời điểm trình HĐQT.
4. **Phối hợp kiểm tra đột xuất hoặc theo chuyên đề:** Khi phát hiện dấu hiệu rủi ro cao hoặc vi phạm pháp luật/Điều lệ, Chủ tịch UBKT và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách thống nhất đề xuất Chủ tịch HĐQT phê duyệt việc thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phối hợp sử dụng nguồn lực của Bộ phận Kiểm toán nội bộ và cán bộ giúp việc HĐQT để triển khai.
5. **Xử lý khác biệt ý kiến:** Trường hợp UBKT và Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách có ý kiến khác nhau về kết quả kiểm tra hoặc giải pháp xử lý, mỗi bên giữ nguyên quan điểm chuyên môn độc lập của mình và gửi báo cáo riêng bằng văn bản trình HĐQT xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm lập và trình Báo cáo hoạt động của UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải bao gồm các nội dung chính sau:
 - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Tổng kết các cuộc họp của UBKT, các kết luận và kiến nghị chính của UBKT;
 - Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Báo cáo đánh giá các giao dịch giữa Công ty, công ty con với người quản lý, người có liên quan hoặc giao dịch với các công ty do người quản lý là thành viên sáng lập/người quản lý trong 03 năm gần nhất;
- Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông;
- Các nội dung khác theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần SCI bao gồm III Chương, 09 Điều; có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Nghị quyết ban hành của Hội đồng quản trị.
2. Quy chế này thay thế các quy chế, quy định trước đây của Công ty Cổ phần SCI về hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI xem xét, quyết định.
4. Các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Công Hùng